TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-PT
Ngày 20-6-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ
Các Thẩm phán: Ông Đặng Đức Hào
Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Thành Thị Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 13 và 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2023/TBTL-TA ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng ủy quyền"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DSST ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Triệu Kim H, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:
Ông Trần Hữu T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy ủy quyền ngày 29 tháng 8 năm 2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Huỳnh Kim C, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

3. Văn phòng công chứng Phạm Phi H.
Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phi H.. – Trưởng văn phòng (có văn bản đề nghị xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*
Ông Huỳnh Kim H - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Triệu Kim H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Hữu T trình bày:

Bà Triệu Kim H và ông Huỳnh Kim H là vợ chồng; bà H là chị dâu của bà Lê Thị T và ông Huỳnh Kim C. Vào ngày 25-10-2021, ông H nói với bà H ra Văn phòng công chứng Phạm Phi H. để ký giấy tờ thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 589 tờ bản đồ 64 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 324827 cấp cho bà Nguyễn Thị D và sang trên cho ông H, bà H vào ngày 10-01-2017) (sau đây gọi tắt là thửa 589) cho bà T để bà T cho ông H vay số tiền 500.000.000 đồng. Khi bà H ra đến Văn phòng công chứng Phạm Phi H. thì đã thấy bà T, ông H ngồi đợi và đã ký xong giấy tờ. Ông H đưa giấy tờ và chỉ chỗ cho bà H ký. Vì tin tưởng ông H đã đọc kỹ và bà T cũng là chị em dâu trong nhà nên bà H đã không đọc lại nội dung và ký. Sau này bà H mới biết bà đã ký vào hợp đồng uỷ quyền giao cho bà T được toàn quyền đối với thửa đất số 589 bao gồm cả quyền chuyển nhượng, tặng cho… Lúc này bà H mới biết bị ông H lừa. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền ngày 25-10-2021, bà H không nhận bất kỳ số tiền nào từ bà T, sau này bà H mới biết ông H có vay tiền bà T vì bà T và ông H nói với bà H.

Bà T cũng không thông báo cho bà H biết việc thực hiện công việc ủy quyền và việc bà T đã ký hợp đồng ủy quyền lại cho ông Huỳnh Kim C vào ngày 21-6-2022 tại Văn phòng công chứng Phạm Phi H..

Việc bà T ký hợp đồng ủy quyền lại cho ông C theo yêu cầu của ông H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Ngay từ đầu không có chuyện bà H, ông H chuyển nhượng hay mua bán gì với bà T và cũng như ông C sau này.

Ông C cho rằng ông H và bà H vay số tiền 6,5 tỷ đồng của ông C nên bà T mới ký hợp đồng uỷ quyền lại cho ông C ngày 21-6-2022 đối với thửa đất số 589 là không đúng. Mục đích ông H ký hợp đồng ủy quyền cho bà T và yêu cầu bà T ký hợp đồng ủy quyền lại cho ông C vào ngày 21-6-2022 đối với thửa đất 589 là để bà H không có quyền gì đối với tài sản trên nếu ly hôn với ông H, vì khi bà H và ông H xảy ra mâu thuẫn thì chính ông H nói bà H sẽ không có quyền gì đối với thửa đất 589, trong khi đây là tài sản chung duy nhất của bà H và ông H. Hơn nữa, từ trước đến nay diện tích đất thuộc thửa 589 có căn nhà

cấp 4 vẫn do ông H và bà H sinh sống, gần đây bà H và ông H xảy ra mâu thuẫn nên bà H mới dọn ra ngoài.

Do vậy, bà H yêu cầu Toà án tuyên hợp đồng ủy quyền giữa bà H, ông H với bà T tại Văn phòng công chứng Phạm Phi H. ngày 25-10-2021 và hợp đồng uỷ quyền lại giữa bà Lê Thị T với ông Huỳnh Kim C ngày 21-6-2022 vô hiệu.

Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T xác nhận vào ngày 25-10-2021 bà H và ông H có ký hợp đồng uỷ quyền cho bà T được toàn quyền sử dụng, thế chấp... đối với thửa đất số 589 là tài sản của ông H, bà H. Lý do ký hợp đồng ủy quyền trên là vì ông H có vay của bà T 500.000.000 đồng để làm ăn nhưng là anh em trong gia đình nên hai bên không làm giấy tờ vay mượn. Nhưng để đảm bảo cho việc vay mượn thì ông H đồng ý ủy quyền cho bà T đối với thửa đất số 589 nêu trên, khi nào ông H trả số tiền 500.000.000 đồng cho bà T thì bà T sẽ trả lại thửa đất trên cho ông H. Sau đó, bà T cần tiền và nói ông H trả nợ. Do ông H chưa có tiền trả nên ông H nói mượn tiền của ông Huỳnh Kim C (là em ruột của ông H) để trả cho bà T và yêu cầu bà T ký hợp đồng ủy quyền lại thửa đất 589 cho ông C. Vì vậy, bà T và ông C đã ký hợp đồng ủy quyền lại tại Văn phòng công chứng Phạm Phi H. vào ngày 21-6-2022. Khi bà T ký hợp đồng uỷ quyền lại cho ông C thì không báo cho bà H biết. Đối với số tiền 500.000.000 đồng, ông H đã trả cho bà T nên nay bà T không có yêu cầu gì nữa.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà T không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim H trình bày:

Vợ chồng ông H và bà H có vay của bà Lê Thị T 500.000.000 đồng nhưng vì là người trong gia đình nên không làm giấy tờ gì. Để đảm bảo cho việc vay mượn thì bà T có yêu cầu ông H và bà H ký hợp đồng ủy quyền thửa đất số 589, tờ bản đồ 64 là tài sản của ông H và bà H cho bà T để làm tin. Vì vậy, ông H nói với bà H cùng bà T đến Văn phòng công chứng Phạm Phi H. để ký hợp đồng ủy quyền thửa đất số 589 cho bà T vào ngày 25-10-2021. Sau đó khoảng mấy tháng, vợ chồng ông H cần thêm một số tiền nên có mượn của ông Huỳnh Kim C 6.5 tỷ đồng, ông H yêu cầu bà T ký hợp đồng uỷ quyền lại cho ông C đối với thửa đất trên vào ngày 21-6-2022 tại Văn phòng công chứng Phạm Phi H..

Khi vay ông C số tiền 6.5 tỷ đồng thì bà H biết nhưng vì là anh em trong gia đình nên việc vay mượn không có giấy tờ gì. Việc bà T ủy quyền lại cho ông C thì bà H biết và đồng ý.

Ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Hiện nay, ông H và bà H đang nợ tiền của ông C nên ông H yêu cầu bà H về chung sống để trả nợ cho ông C. Ông H và bà H vẫn hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim C trình bày:

Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà H, ông H có mượn của ông C số tiền là 6.5 tỷ đồng vào cuối năm 2021. Khi mượn hai bên không

làm giấy tờ gì. Tuy nhiên, để đảm bảo việc vay mượn thì bà H và ông H đồng ý để bà T ủy quyền lại cho ông C đối với thửa đất số 589. Vì vậy, giữa ông C và bà T có ký hợp đồng ủy quyền lại tại Văn phòng công chứng Phạm Phi H. vào ngày 21-6-2022.

Việc ông H, bà H mượn ông C số tiền 6.5 tỷ đồng thì cả hai vợ chồng đều biết nên bà T mới ký hợp đồng ủy quyền lại cho ông C ngày 21-6-2022 đối với thửa đất số 589 nêu trên. Việc ký hợp đồng ủy quyền lại giữa bà T với ông C gần như ông H, bà H đã bán thửa đất số 589 cho ông C nhưng vì là người trong gia đình nên mới ký ủy quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Phạm Phi H. trình bày:

Vào ngày 25-10-2021 và ngày 21-6-2022, Văn phòng công chứng Phạm Phi H. đã tiếp nhận và thực hiện việc công chứng là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu công chứng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đọc viết tốt; quyền sử dụng đất nêu trên không bị phong toả, không bị ngăn chặn, không bị hạn chế quyền của chủ sử dụng đất.

Về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục công chứng đối với các hợp đồng ủy quyền nêu trên đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Công chứng và các văn bản pháp luật có liên quan. Văn phòng công chứng không thể cử người tham gia các buổi làm việc, hoà giải, xét xử của Toà án được nên xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Kim H đối với bà Lê Thị T về tranh chấp hợp đồng ủy quyền.

Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa bà Triệu Kim H, ông Huỳnh Kim H với bà Lê Thị T ký ngày 25-10-2021 tại Văn phòng công chứng Phạm Phi H., số công chứng 2202 quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền lại giữa bà Lê Thị T với ông Huỳnh Kim C ký ngày 21-6-2022 tại Văn phòng công chứng Phạm Phi H., số công chứng 6016 quyển số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14-12-2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Triệu Kim H và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Kim H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim H giữ nguyên yêu

cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim C đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông C khẳng định ông Huỳnh Kim H và bà Triệu Kim H có vay của ông số tiền 6,5 tỷ đồng nên mới đồng ý để cho bà Lê Thị T ký hợp đồng ủy quyền lại thửa đất số 589 cho ông nhằm đảm bảo cho việc trả nợ. Hiện nay, ông H vẫn trả lãi hàng tháng của số nợ trên đầy đủ cho ông. Trong trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng ủy quyền lại ngày 21-6-2022 vô hiệu thì ông không yêu cầu ông H, bà H trả khoản nợ 6,5 tỷ đồng trên trong vụ án này. Nếu ông H, bà H không trả nợ gốc và lãi đúng hạn cho ông thì ông sẽ khởi kiện vụ án khác.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tiến hành xét xử vụ án công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Kim H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Kim H đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Văn phòng công chứng Phạm Phi H. vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim H*:

[2.1] *Đối với Hợp đồng ủy quyền ngày 25-10-2021*:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và ông H đều thừa nhận hợp đồng ủy quyền này được ký kết nhằm đảm bảo cho việc trả khoản nợ 500.000.000 đồng mà ông H, bà H vay của bà T. Nay ông H đã trả xong số tiền 500.000.000

đồng cho bà T và bà T không còn yêu cầu gì đối với ông H, bà H. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận hợp đồng ủy quyền trên là hợp đồng giả cách nhằm che giấu và đảm bảo cho việc vay tiền giữa hai bên. Nay việc vay tiền đã được trả xong, người ủy quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền trên vô hiệu, bên được ủy quyền cũng không có yêu cầu, ý kiến gì về yêu cầu của nguyên đơn. Do vậy, cấp sơ thẩm tuyên xử hợp đồng ủy quyền trên vô hiệu là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần giữ nguyên. Kháng cáo của ông Huỳnh Kim H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] *Đối với Hợp đồng ủy quyền lại ngày 21-6-2022*:

Theo bà H, khi ký hợp đồng ủy quyền ngày 25-10-2021, bà không đọc nội dung nên không biết đây là hợp đồng ủy quyền. Tuy nhiên, lời khai này của bà H là không có căn cứ vì bà H là người biết chữ nên trước khi ký vào hợp đồng, bà phải đọc nội dung và đồng ý ký với nội dung hợp đồng thì mới ký. Bà xác nhận đã tự nguyện ký vào hợp đồng trên nên bà phải chịu trách về nội dung hợp đồng này, trong đó có điều khoản cho phép bà Lê Thị T ủy quyền lại cho người thứ 3 thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng ngày 25-10-2021. Do đó, việc bà T ký hợp đồng ủy quyền lại cho ông Huỳnh Kim C là trong phạm vi ủy quyền.

Tuy nhiên, ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T, ông H và ông C đều khai thống nhất về việc: Bà T ký hợp đồng ủy quyền lại ngày 21-6-2022 là theo yêu cầu của ông H và ông C, nhằm đảm bảo cho việc ông H vay ông C số tiền 6,5 tỷ đồng, sau khi ông H trả hết khoản nợ trên thì hai bên sẽ hủy hợp đồng ủy quyền lại này. Do vậy, đủ căn cứ xác định hợp đồng ủy quyền lại này là hợp đồng giả cách, che giấu và đảm bảo cho hợp đồng vay tiền. Mặt khác, tại Điều 5 của Hợp đồng ủy quyền ngày 25-10-2021 có thỏa thuận: "*Bên B có các nghĩa vụ sau đây: Thực hiện công việc ủy quyền và báo cho bên A về việc thực hiện công việc đó*". Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận khi ủy quyền lại cho ông C, bà thực hiện theo yêu cầu của ông H và ông C chứ bà H không biết, bà không thông báo cho bà H biết đã ủy quyền lại cho ông C. Điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H đối với thửa đất 589. Ông H và ông C khẳng định bà H có biết việc ủy quyền lại này nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Như vậy, Hợp đồng ủy quyền lại ngày 21-6-2022 là hợp đồng giả cách và bên được ủy quyền đã vi phạm nghĩa vụ thông báo cho bên ủy quyền về việc thực hiện công việc được ủy quyền. Mặt khác, do Hợp đồng ủy quyền ngày 25-10-2021 vô hiệu do giả tạo nên việc bà T căn cứ vào hợp đồng vô hiệu này để ký hợp đồng ủy quyền lại ngày 21-6-2022 là trái pháp luật. Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 123, Điều 124 Bộ luật dân sự 2015 tuyên hợp đồng ủy quyền lại này vô hiệu là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] *Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu*:

Do hai hợp đồng ủy quyền trên bị vô hiệu nên căn cứ khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự, các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau

những gì đã nhận. Do bà T xác nhận đã nhận lại số tiền 500.000.000 đồng từ ông H và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Bà T có nhận 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau đó giao lại cho ông C. Hiện ông C xác nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 589. Cấp sơ thẩm không tuyên buộc ông C phải trả lại cho ông H, bà H bản chính giấy chứng nhận trên là thiếu sót, không giải quyết triệt để vụ án. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm, tuyên buộc ông C trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 324827 ngày 4-11-2016 (đăng ký sang tên cho ông H, bà H ngày 10-01-2017) cho ông H, bà H.

Đối với khoản tiền 6,5 tỷ đồng: Ông H và ông C đều khai khoản vay này là có thật và là nợ chung của ông H, bà H. Còn bà H khai hoàn toàn không biết về khoản nợ này, không sử dụng số tiền trên nên không đồng ý trả nợ cho ông C. Xét, ngoài lời khai của chính mình, ông C và ông H không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh việc ông H, bà H có vay ông C số tiền trên. Chỉ một mình ông H xác nhận có vay ông C 6,5 tỷ đồng và hiện ông H đang một mình trả lãi cho khoản nợ trên. Tại cấp sơ thẩm, mặc dù đã được Thẩm phán giải thích về quyền yêu cầu trả nợ nhưng ông C không yêu cầu ông H, bà H trả khoản nợ trên. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông C cũng không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã giải thích pháp luật và hậu quả pháp lý trong trường hợp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng ủy quyền lại bị vô hiệu nhưng ông C và ông H vẫn xác nhận: Hiện nay, hàng tháng ông H vẫn trả lãi của khoản nợ trên đầy đủ cho ông C và khoản nợ trên chưa đến hạn thanh toán nên ông C và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền 6,5 tỷ đồng trong vụ án này. Nếu sau này giữa các bên phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự khác nên cấp sơ thẩm không giải quyết đối với khoản tiền 6,5 tỷ đồng trên mà dành quyền khởi kiện vụ án khác cho đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Kháng cáo của ông H đối với việc giải quyết hợp đồng ủy quyền lại là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.4] Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Huỳnh Kim H, sửa một phần bản án sơ thẩm nhằm giải quyết triệt để vụ án.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Cấp sơ thẩm giải quyết đúng quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim H, sửa một phần bản án sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, khoản 1 Điều 124, khoản 2 Điều 131, Điều 562, Điều 564, Điều 566, Điều 568 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Kim H đối với bà Lê Thị T về tranh chấp hợp đồng ủy quyền.

Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa bà Triệu Kim H, ông Huỳnh Kim H với bà Lê Thị T ký ngày 25-10-2021 tại Văn phòng công chứng Phạm Phi H, số công chứng 2202 quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền lại giữa bà Lê Thị T (nhận ủy quyền của bà Triệu Kim H, ông Huỳnh Kim H) với ông Huỳnh Kim C ký ngày 21-6-2022 tại Văn phòng công chứng Phạm Phi H, số công chứng 6016 quyển số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

2. Buộc ông Huỳnh Kim C trả lại cho bà Triệu Kim H và ông Huỳnh Kim H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CE 324827 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 4-11-2016 cho bà Nguyễn Thị D, đăng ký sang tên cho ông Huỳnh Kim H, bà Triệu Kim H ngày 10-01-2017.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị T phải nộp 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Triệu Kim H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Triệu Kim H 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0011145 ngày 27-6-2022 và biên lai thu tiền số 0011205 ngày 08-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Kim H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0011544 ngày 14-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20-6-2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. X, tỉnh BR-VT;
- TAND H. X, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. X, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Cao Minh Vỹ